

Tam Đảo, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Số: 38 /KH-TLTD

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017:

1. Đánh giá khái quát về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017:

1.1. Thuận lợi:

Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở NN&PTNT tỉnh Vĩnh Phúc, sự ủng hộ của các sở ban ngành trong tỉnh, UBND các huyện, sự phối hợp chặt chẽ với các xã trong địa bàn.

Công ty thường xuyên quan tâm chỉ đạo quyết liệt các mặt hoạt động. Thường xuyên đôn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý công trình, điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh xã hội trong địa bàn.

CBCNV trong Công ty luôn đoàn kết, tích cực thi đua học tập, lao động sản xuất để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công ty luôn quan tâm đầu tư kinh phí tu bổ, sửa chữa, nạo vét công trình thủy lợi, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm chuẩn bị tốt cho công tác phục vụ sản xuất. Thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

1.2. Khó khăn

Do biến đổi khí hậu nên diễn biến thời tiết phức tạp, gây khó khăn cho công tác quản lý công trình, công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Dung tích các hồ nhỏ hạn chế, nguồn nước ở các suối tự nhiên ở mức thấp, có lúc cạn kiệt không đảm bảo nước để phục vụ sản xuất.

Nhiều công trình kênh mương và công trình thủy lợi xuống cấp, vỡ lở, hư hỏng nhiều, tỷ lệ kiên cố hóa kênh nội đồng thấp, gây rất nhiều khó khăn cho công tác quản lý và vận hành.

Địa hình giữa các khu tưới chênh lệch cao, chủ yếu là đất cát pha, đồng ruộng ô thửa nhỏ, dẫn đến dễ bị thất thoát nước, việc đưa nước vào từng thửa ruộng tốn nhiều thời gian, lãng phí nước, một số diện tích cấp nước ngày hôm trước đến ngày hôm sau đã cạn kiệt mà chưa có phương án khắc phục.

Diện tích phục vụ ngày càng giảm do UBND tỉnh thu hồi để xây dựng các khu, cụm công nghiệp, xây dựng các khu dân cư, xây dựng đường giao thông và một số diện tích nhân dân bỏ ruộng không canh tác, nhiều nhất là vào vụ đông. Diện tích giảm dẫn đến doanh thu của Công ty giảm nên rất khó khăn để cân đối tài chính.



Nhân dân trong vùng tỷ lệ người dân tộc cao, tập quán canh tác lạc hậu, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của địa phương, không theo thời vụ của tỉnh; khi mở nước phục vụ sản xuất người dân trông chờ ỷ lại, không lấy nước vào ruộng nhưng khi cất nước lại kêu ca, phàn nàn. Trong địa bàn Công ty phục vụ hiện nay còn nhiều diện tích đất canh tác khó khăn về nguồn nước, chủ yếu dựa vào nước các khe suối, ao hồ địa phương nên không đảm bảo đủ nước cho số diện tích này.

Một số chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác thủy lợi. Một số người dân nhận thức về công tác quản lý công trình thủy lợi, công tác quản lý nguồn nước còn thấp.

Nhân dân tự ý xả thải, vứt rác, xác gia súc, gia cầm chết xuống lòng kênh gây tắc dòng chảy và ô nhiễm môi trường, rất khó khăn cho công tác quản lý điều hành.

Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Công ty, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCNV, do vậy năm 2017 Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2017:

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

a) Sản phẩm sản xuất chủ yếu:

- Diện tích tưới, tiêu, cấp nước cả năm đạt 15.905,72 ha, so với kế hoạch (16.885,74ha) = 94,2%, so với năm 2016 (16.055,65ha) = 99,07%.

- Cấp nước cho công nghiệp, sân Golf: 1.312.040 m³, so với kế hoạch (710.000m³) = 184,79%, so với năm 2016 (1.025.050 m³) = 128%.

- Thực hiện tư vấn khảo sát thiết kế 09 công trình XD CB, 273 công trình SCTX.

- Thực hiện xây lắp công trình: 70 hạng mục công trình

b) Doanh thu:

- Tổng doanh thu: 28,24 tỷ đồng, so với kế hoạch (26,71 tỷ đồng) = 105,74%, so với năm 2016 (29,68 tỷ đồng) = 95,17%.

Trong đó:

+ Thu thủy lợi phí:	22,98 tỷ đồng
+ Thu cấp kinh doanh khai thác tổng hợp:	1,22 tỷ đồng
+ Thu khác:	0,08 tỷ đồng
+ Thu ngân sách cấp chống hạn:	1,43 tỷ đồng
+ Thu hoạt động tài chính:	0,25 tỷ đồng
+ Thu tư vấn kỹ thuật:	1,09 tỷ đồng
+ Thu xây lắp công trình:	1,19 tỷ đồng

c) Lợi nhuận trước thuế: 0,09 tỷ đồng, so với kế hoạch (0,005 tỷ đồng) = 1.732,06%, so với năm 2016 (0,08 tỷ đồng) = 106,63%.

d) Nộp ngân sách: 0,41 tỷ đồng, so với kế hoạch (0,19 tỷ đồng) = 215,63%, so với năm 2016 (0,34 tỷ đồng) = 119,27%.

e) Thực hiện sản phẩm công ích:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Diện tích KH 2017	Diện tích TH 2017	Tăng, giảm TH/KH	Tỷ lệ % TH/KH
1	Vụ Chiêm	Ha	6.339,42	6.319,04	-20,38	99,68%
2	Vụ Mùa	Ha	6.000,18	5.907,93	-92,95	98,46%
3	Vụ Đông	Ha	4.195,56	3.346,52	-849,04	79,76%
5	Thủy sản	Ha	350,58	332,23	-18,35	94,76%
	Cả năm	Ha	16.885,74	15.905,72	-980,72	94,20%

g) *Tổng quỹ lương: 11,90 tỷ đồng*

+ Quỹ lương của cán bộ quản lý: 1,32 tỷ đồng

+ Quỹ lương của người lao động: 10,58 tỷ đồng

2.2. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển:

Năm 2017 Công ty được UBND tỉnh cấp vốn đầu xây dựng 12 dự án với tổng kinh phí là 37,19 tỷ đồng, trong đó dự án chuyển tiếp là 07 dự án kinh phí được cấp 29,65 tỷ đồng, dự án mới là 05 dự án, kinh phí được cấp là 7,54 tỷ đồng. Công ty thực hiện giải ngân vốn đầu tư 29,12 tỷ đồng, trong đó 07 dự án chuyển tiếp, số tiền là 21,59 tỷ đồng, 05 dự án mới, số tiền là 7,53 tỷ đồng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:

- Diện tích tưới tiêu, cấp nước cả năm: 15.651,99 ha

Trong đó:

+ Vụ chiêm: 6.311,73 ha

+ Vụ mùa: 5.919,23 ha

+ Vụ đông: 3.097,47 ha

+ Nuôi trồng thủy sản: 323,56 ha

1.2. Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm:

- Tổng doanh thu: 26,13 tỷ đồng

Trong đó: + Thu thủy lợi phí: 22,76 tỷ đồng

+ Thu kinh doanh khai thác tổng hợp: 0,99 tỷ đồng

+ Thu hoạt động tài chính: 0,10 tỷ đồng

+ Thu tư vấn, xây lắp công trình: 2,28 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 0,02 tỷ đồng

- Nộp ngân sách Nhà nước: 0,20 tỷ đồng

1.3. Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm:

Cấp nước cho các ngành kinh tế khác: 0,95 tỷ đồng

2. Kế hoạch đầu tư phát triển:



2.1. Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm:

Năm 2018 Công ty được UBND tỉnh đầu tư kinh phí xây dựng 15 dự án với tổng kinh phí là 6,14 tỷ đồng, trong đó dự án chuyển tiếp là 12 dự án với tổng kinh phí là 3,24 tỷ đồng, 03 dự án mới với tổng kinh phí là 2,90 tỷ đồng.

2.2. Kết quả đầu tư cả năm:

Công ty dự kiến thực hiện giải ngân vốn đầu tư 15 dự án với tổng kinh phí là 5,53 tỷ đồng, trong đó dự án chuyển tiếp là 12 dự án với tổng kinh phí là 2,92 tỷ đồng, dự án mới là 03 dự án với tổng kinh phí là 2,61 tỷ đồng.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp về tài chính:

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ trong lĩnh vực quản lý tài chính, tập trung đơn đốc các đơn vị thực hiện tốt định mức chi phí. Thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tăng cường công tác sản xuất kinh doanh phụ để tăng doanh thu cho Công ty như: Tăng sản lượng cấp nước cho các ngành kinh tế khác, công tác khảo sát thiết kế và xây lắp công trình tìm thêm việc bên ngoài hệ thống của Công ty để tạo thêm việc làm và tăng nguồn thu cho Công ty.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư phát triển để xây dựng các công trình trong hệ thống, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác công trình.

2. Giải pháp về sản xuất:

- Xây dựng kế hoạch tưới cho từng vụ, thành lập Ban chỉ đạo tưới tiêu năm 2018 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nước và cung cấp nước kịp thời, đảm bảo cho sản xuất. Những điểm khó khăn về nguồn nước tổ chức lắp đặt máy bơm dã chiến để bơm tưới phục vụ sản xuất, không để diện tích bị khô hạn, thiếu nước.

- Các Xí nghiệp thủy lợi xây dựng kế hoạch tưới cụ thể cho từng xã, từng đợt, thường xuyên kiểm tra nắm bắt tình hình đồng ruộng để có kế hoạch cấp nước kịp thời. Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong triển khai công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất.

- Hợp đồng, nghiệm thu các vụ đảm bảo diện tích. Phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền vận động người dân tích cực lấy nước vào ruộng.

- Xây dựng phương án PCTT&TKCN các hồ trên địa bàn Công ty quản lý, vận hành các hồ chứa theo đúng quy trình.

- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và PCCN.

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được tỉnh phê duyệt, Công ty luôn bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh và đồng thời có sự điều chỉnh linh hoạt để đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3. Giải pháp về Marketing:

- Phối hợp với chính quyền các địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động lấy nước theo lịch tưới, tránh để tình trạng lãng phí nước,

cây trồng bị khô hạn, thiếu nước. Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện nghiêm Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, không để tình trạng lấn chiếm hành lang công trình, phá hoại kênh mương.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Hàng năm theo định biên lao động được phê duyệt, căn cứ nhu cầu thực tế, Công ty chủ trương tiếp nhận nhân lực có trình độ được đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và các công nhân được đào tạo về quản lý công trình thủy lợi.

- Công ty có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm tổ chức thi nâng bậc cho công nhân đảm bảo quyền lợi của người lao động, ngoài ra Công ty rất chú trọng, quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo.

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bố trí lao động phù hợp với chuyên môn để phát huy hết khả năng, sức sáng tạo của người lao động.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:

- Áp dụng các biện pháp khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới từng bước điện khí hóa, tự động hóa công tác quản lý, vận hành công trình, máy móc thiết bị, nâng cao hiệu quả công việc.

- Từng bước quy hoạch xây dựng và hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý. Khuyến khích các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất.

6. Giải pháp về quản lý điều hành:

- Tranh thủ sự chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở ban ngành, UBND các huyện và sự phối hợp với chính quyền địa phương các xã trên địa bàn. Công ty làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Rà soát, sắp xếp bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn từ Văn phòng đến các Xí nghiệp, đảm bảo có đội ngũ lãnh đạo quản lý giỏi để điều hành hoạt sản xuất xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Căn cứ tình hình thực tế bố trí lao động phù hợp cho từng đơn vị.

- Tổ chức quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng tốt công trình thủy lợi, phát huy hiệu quả năng lực phục vụ sản xuất. Tăng cường kiểm tra, phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời việc xâm hại, lấn chiếm công trình, gây mất an toàn cho công trình thủy lợi. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương kịp thời giải tỏa các hành vi vi phạm công trình.

- Thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, khí hậu thủy văn.

- Đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng nhằm tạo động lực phấn đấu thúc đẩy quá trình hoạt động sản xuất.



BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
1.1	Diện tích tưới, tiêu, cấp nước	ha	15.651,99
1.2	Cấp nước cho các ngành kinh tế khác	m ³	1.057.200
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích	ha	15.651,99
3	Doanh thu	Tỷ đồng	26,13
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,02
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,20
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	6,14
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	12,15
	Quỹ lương CB quản lý	Tỷ đồng	1,32
	Quỹ lương người lao động	Tỷ đồng	10,83

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 của Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo. Công ty báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Vĩnh Phúc, sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện công bố thông tin theo nghị định 81/2015/NĐ-CP của Chính Phủ./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT;
- Lưu: VT, KHKT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hòa